

Bản án số: 572/2018/DS-PT

Ngày: 12/6/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Hạnh

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh
Ông Nguyễn Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2018/DSPT ngày 14 tháng 3 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 93/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2256/2018/QĐ-PT ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị U, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Địa chỉ: 90A/36 A, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1941

Địa chỉ: 90A/32 A, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Bà Trương Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2/ Bà Trương Thị B, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 90A/32 A, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2015 và các bản tự khai, bà U trình bày :

Năm 2010, bà U có cho bà N mượn số tiền 100.000.000 đồng nhưng đến năm 2014, bà N vẫn không trả. Sau nhiều lần đòi nợ, ngày 27/8/2014, bà N viết giấy cam kết trả nợ. Theo đó, bà N sẽ trả cho bà U mỗi tháng 500.000 đồng và khi nào bán được nhà sẽ trả hết một lần.

Sau khi viết giấy cam kết trả nợ, bà N không có thiện chí trả nên bà U khiếu nại ra Ủy ban nhân dân Phường T, Quận B1 để giải quyết.

Ngày 31/7/2015, tại UBND Phường B1, Quận T bà N thừa nhận nợ bà U số tiền trên về xin trả góp mỗi tháng 500.000 đồng như nội dung trong Giấy cam kết trả nợ ngày 27/8/2014. Ngày 19/10/2015, bà U thông báo đòi nợ bà N nhưng bà N vẫn không trả. Nay bà U kiện yêu cầu bà N trả số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các bản tự khai bị đơn trình bày : bà N thừa nhận có vay của bà U nhiều năm và nhiều lần với số tiền 60.000.000 đồng chứ không phải 100.000.000 đồng. Do bà N không biết chữ nên mới ký giấy cam kết nợ là 100.000.000 đồng, nhưng trong giấy cam kết trả nợ cho bà U thì trả góp mỗi tháng 500.000 đồng, khi nào bán được nhà thì trả hết một lần. Nay bà U đòi trả một lần thì bà không có khả năng.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 93/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị N trả cho bà U số tiền là 100.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thực nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do pháp luật quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 12/02/2018, bà Phạm Thị N kháng cáo toàn bộ bản án.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện không có mặt tại phiên tòa, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn bà Phạm Thị N có đại diện là bà Trương Thị B đề nghị cho bà N trả góp 3.000.000 đồng/tháng vì gia đình bà không có tiền trả một lần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm .

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, miễn án phí dân sự cho bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị N ủy quyền cho bà Trương Thị B, văn bản ủy quyền và hợp lệ theo Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên chấp nhận.

Bà Lê Thị U đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà U theo Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Tại đơn kháng cáo bà Phạm Thị N có đại diện là bà Trương Thị B cho rằng bà chỉ mượn bà U số tiền 60.000.000 đồng chứ không phải 100.000.000 đồng, mẹ bà đã kí vào giấy nhận nợ 100.000.000 đồng là do bà không biết chữ, bà đã trả tiền cho bà U mỗi tháng 500.000 đồng bằng cách đưa cho ông Chóí (con bà U) nên không đồng ý với yêu cầu của bà U. Đồng thời đề nghị cho bà trả 3.000.000 đồng/tháng đối với số tiền nợ còn lại.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 29/8/2016, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ kí của bị đơn trên giấy trả nợ (BL 61). Tuy nhiên, ngày 02/12/2016, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã rút yêu cầu trên đồng thời xác nhận chữ ký, chữ viết của bị đơn trên giấy mượn nợ và đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng nhưng xin trả góp dần (1.000.000 đồng/tháng) (BL 28).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn nợ của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn chấp nhận trả nợ với số tiền 100.000.000 đồng nên không chấp nhận kháng cáo cho rằng bị đơn chỉ nợ số tiền 60.000.000 đồng.

Đồng thời, bị đơn kháng cáo xin được trả chậm (3.000.000 đồng/tháng), yêu cầu này tại cấp sơ thẩm không được nguyên đơn chấp nhận nên cấp phúc thẩm không thể sửa án theo yêu cầu của bị đơn vì như vậy là gây thiệt hại tới quyền lợi chính đáng của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn bà Phạm Thị N là người cao tuổi (theo quy định của luật người cao tuổi) và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm nên chấp nhận đề nghị của đại diện ủy quyền của bị đơn và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm, miễn án phí dân sự

sơ thẩm và phúc thẩm cho bị đơn bà Phạm Thị N. Trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 85; Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Áp dụng Điều 471; Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Điều 48; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.
- Áp dụng Điều 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N.

2/ Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 93/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa nguyên đơn – bà Lê Thị U với bị đơn – bà Phạm Thị N.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị N trả cho bà U số tiền là 100.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm

Bà Phạm Thị N không phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn) đồng cho bà U theo biên lai thu số 0001175 ngày 10/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2017/0014294 ngày 12/02/2018 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hạnh